

Số: 393/QĐTN – ĐHKTYTHD

Hải Dương, ngày 08 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

"V/v công nhận tốt nghiệp hệ Trung cấp chính quy đợt tháng 10 năm 2014"

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ quyết định số 2638/QĐ-BYT ngày 18/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ quyết định số 40/2007/QĐ - BGD&ĐT ban hành ngày 01/08/2007 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành qui chế thi, kiểm tra, xét lên lớp, xét tốt nghiệp cho học sinh các trường, lớp THCN và dạy nghề;

Căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp và nghị quyết phiên họp Hội đồng thi tốt nghiệp ngày tháng năm 2014.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Trung cấp chính quy khoá 2012 - 2014 cho 156 học sinh, khóa 2011 - 2013 cho 16 học sinh thuộc các ngành: Điều dưỡng đa khoa, Xét nghiệm y học, Kỹ thuật Hình ảnh y học và 01 học sinh lớp Văn bằng 2 Hình ảnh.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2:

Các ông, bà Trưởng phòng Đào tạo, phòng Kiểm định chất lượng Đào tạo, phòng Tổ chức cán bộ, phòng HCQT, phòng Công tác học sinh - sinh viên, phòng Trang thiết bị, phòng Tài chính kế toán, phòng QLKH & HTQT, phòng CNTT, khoa Điều dưỡng, khoa Xét nghiệm, khoa Chẩn đoán Hình ảnh và các học sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. *am*

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Vũ Đình Chính

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHOA TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2012 - 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCHT	Xếp loại
Lớp: TC Điều dưỡng 37A						
1	1110212001	Nguyễn Thị Vân Anh	10/11/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
2	1110212004	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	19/11/1994	Hải Dương	6.5	Trung bình khá
3	1110212005	Lê Duy Đạt	24/03/1993	Hung Yên	6.7	Trung bình khá
4	1110212006	Nguyễn Thị Giang	02/02/1994	Hải Dương	6.6	Trung bình khá
5	1110212007	Đào Thị Thu Hà	19/12/1994	Hung Yên	6.3	Trung bình khá
6	1110212008	Đặng Thị Hồng Hải	27/09/1993	Đắc Lắc	7.3	Khá
7	1110212009	Nguyễn Thị Hằng	14/11/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
8	1110212010	Nguyễn Thị Hằng	24/02/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
9	1110212011	Phạm Thị Hằng	28/08/1994	Hải Dương	7.2	Khá
10	1110212012	Nguyễn Văn Hậu	24/10/1993	Hung Yên	6.1	Trung bình khá
11	1110212016	Hoàng Thị Huyền	16/03/1994	Hải Dương	6.6	Trung bình khá
12	1110212017	Phùng Mạnh Hùng	25/06/1994	Hải Dương	6.5	Trung bình khá
13	1110212019	Nguyễn Thị Hương	25/12/1994	Hải Dương	7.5	Khá
14	1110212020	Nguyễn Thị Hường	22/10/1994	Thái Bình	6.1	Trung bình khá
15	1110212022	Vũ Thị Liên	10/01/1993	Hải Dương	6.6	Trung bình khá
16	1110212023	Mai Thị Phương Linh	02/04/1994	Hung Yên	6.8	Trung bình khá
17	1110212024	Nguyễn Thùy Linh	02/05/1994	Bắc Giang	7.2	Khá
18	1110212025	Trịnh Minh Long	17/06/1994	Hung Yên	5.9	Trung bình
19	1110212026	Bùi Thị Mai	04/07/1994	Hải Dương	7	Khá
20	1110212027	Trần Tuấn Nam	15/11/1994	Hải Dương	6.3	Trung bình khá
21	1110212028	Vũ Thị Nga	05/08/1994	Bắc Ninh	6.8	Trung bình khá
22	1110212029	Đào Thị Ngọc	05/08/1994	Lào Cai	6.4	Trung bình khá
23	1110212031	Nguyễn Thị Nhài	07/11/1994	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
24	1110212032	Hoàng Thị Nhã	28/05/1994	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
25	1110212033	Trần Thị Nhung	13/03/1994	Hải Dương	7.3	Khá
26	1110212035	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	31/01/1994	Quảng Ninh	6.5	Trung bình khá
27	1110212036	Đinh Tiến Thành	12/10/1994	Hải Dương	6	Trung bình khá
28	1110212037	Mai Phương Thảo	03/11/1994	Hải Dương	7.2	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2012 - 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCHT	Xếp loại
29	1110212038	Bùi Thị Thoa	01/09/1993	Hưng Yên	7.1	Khá
30	1110212039	Nguyễn Thị Thu	28/02/1993	Hải Dương	6.6	Trung bình khá
31	1110212040	Nguyễn Thị Thủy	19/12/1994	Nghệ An	6.3	Trung bình khá
32	1110212043	Phạm Thị Kim Tuyền	12/08/1994	Hưng Yên	6.2	Trung bình khá
33	1110212044	Nguyễn Thị Tươi	29/10/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
34	1110212045	Đỗ Thị Huyền Trang	12/06/1994	Bắc Giang	6.7	Trung bình khá
35	1110212046	Trần Thị Thu Trang	19/03/1994	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
36	1110212047	Vũ Thị Thu Trang	04/01/1994	Hưng Yên	6.7	Trung bình khá
37	1110212048	Phạm Văn Trường	25/09/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
38	1110212050	Đào Quang Vũ	11/12/1994	Hưng Yên	6.5	Trung bình khá
39	1110212051	Đỗ Thị Yến	08/05/1994	Thanh Hóa	7.4	Khá
40	1110212052	Nguyễn Thị Yến	21/10/1994	Hải Dương	7	Khá
41	1110212054	Mạc Thị Hương	03/05/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
42	1110212108	Bùi Thị Hồng	31/08/1994	Yên Bái	7.4	Khá

Lớp: TC Điều dưỡng 37B

43	1110212056	Nguyễn Thị Bình	18/03/1994	Thái Bình	6.7	Trung bình khá
44	1110212057	Nguyễn Thị Dung	12/07/1994	Hải Dương	6.2	Trung bình khá
45	1110212059	Bùi Thị Giang	27/02/1993	Hải Dương	6.4	Trung bình khá
46	1110212060	Nguyễn Văn Hai	22/06/1993	Hải Dương	6.4	Trung bình khá
47	1110212061	Phạm Thị Hà	05/01/1994	Hải Dương	6.4	Trung bình khá
48	1110212062	Lê Thị Hạnh	02/09/1994	Hải Dương	7.1	Khá
49	1110212063	Nguyễn Thị Hằng	17/09/1994	Hải Dương	6.9	Trung bình khá
50	1110212065	Vũ Thị Hằng	13/11/1994	Hải Dương	6.5	Trung bình khá
51	1110212066	Đỗ Văn Hiếu	03/10/1992	Hải Dương	6.3	Trung bình khá
52	1110212067	Bùi Thị Minh Hoàng	06/08/1994	Hải Dương	6.6	Trung bình khá
53	1110212068	Phạm Thị Hồng	15/08/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
54	1110212069	Nguyễn Thị Huệ	20/11/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
55	1110212070	Vũ Thị Huyền	09/07/1994	Bắc Ninh	7.1	Khá
56	1110212073	Nguyễn Thu Hương	26/06/1993	Hải Dương	6.9	Trung bình khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2012 - 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCHT	Xếp loại
57	1110212074	Nguyễn Thanh Lan	28/06/1994	Quảng Ninh	6.6	Trung bình khá
58	1110212075	Vũ Thị Lền	15/02/1994	Hải Dương	6.6	Trung bình khá
59	1110212076	Đinh Thị Linh	14/01/1994	Hải Phòng	6.7	Trung bình khá
60	1110212078	Vũ Thị Loan	04/02/1994	Hải Dương	6.4	Trung bình khá
61	1110212080	Phạm Thị Na	30/12/1994	Hải Dương	6.2	Trung bình khá
62	1110212081	Hoàng Thị Nết	10/10/1994	Bắc Giang	6.8	Trung bình khá
63	1110212082	Hà Thủy Ngân	15/06/1993	Phú Thọ	6.7	Trung bình khá
64	1110212083	Đinh Thị Hồng Ngọc	05/10/1993	Hải Dương	7.1	Khá
65	1110212084	Hà Thị Nhài	24/09/1994	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
66	1110212085	Nguyễn Thị Nhân	23/08/1994	Bắc Ninh	6.5	Trung bình khá
67	1110212086	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	22/05/1994	Hưng Yên	6.5	Trung bình khá
68	1110212087	Trịnh Thị Ninh	11/05/1994	Bắc Ninh	7	Khá
69	1110212088	Phạm Đức Phương	06/09/1994	Hải Dương	6.9	Trung bình khá
70	1110212089	Nguyễn Thị Tâm	12/07/1994	Hưng Yên	6.6	Trung bình khá
71	1110212090	Đoàn Thanh Thảo	02/09/1994	Lạng Sơn	6.8	Trung bình khá
72	1110212091	Đặng Thị Thắm	13/12/1994	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
73	1110212093	Nguyễn Thị Thuý	14/03/1994	Hải Dương	6.9	Trung bình khá
74	1110212094	Bùi Thị Thư	26/08/1994	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
75	1110212095	Phạm Thị Tình	06/04/1994	Hải Dương	6.9	Trung bình khá
76	1110212096	Cao Thị Tuyết	04/07/1994	Hải Dương	6.4	Trung bình khá
77	1110212097	Trần Tiến Tú	08/11/1994	Hải Dương	6.4	Trung bình khá
78	1110212098	Bùi Thị Trang	09/02/1994	Hải Dương	6.6	Trung bình khá
79	1110212100	Vũ Thị Huyền Trang	14/08/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
80	1110212102	Phạm Thị Hồng Vân	07/10/1994	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
81	1110212104	Đặng Thị Yến	09/02/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
82	1110212105	Nguyễn Thị Hoàng Yến	25/01/1994	Bắc Ninh	6.6	Trung bình khá
83	1110212106	Nguyễn Thu Yến	20/08/1994	Bắc Ninh	6.4	Trung bình khá
Lớp: TC Xét nghiệm 35						
84	1110512003	Nguyễn Thị Lan Anh	12/06/1994	Thái Bình	7.2	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2012 - 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCHT	Xếp loại
85	1110512004	Bùi Thị Bích	27/09/1993	Hòa Bình	6.3	Trung bình khá
86	1110512005	Tăng Đức Bình	04/07/1994	Hải Dương	6	Trung bình khá
87	1110512006	Trịnh Thị Chinh	25/01/1994	Bắc Ninh	6.3	Trung bình khá
88	1110512007	Bùi Văn Cử	11/09/1992	Quảng Ninh	5.9	Trung bình
89	1110512008	Nguyễn Thị Dương	26/08/1993	TP Hà Nội	7	Khá
90	1110512009	Đỗ Thị Thuý Hằng	14/10/1994	Hải Dương	7.3	Khá
91	1110512010	Đỗ Thị Thuý Hằng	06/03/1994	Hải Dương	7	Khá
92	1110512012	Ngô Thị Hiền	19/09/1994	Hưng Yên	6.6	Trung bình khá
93	1110512013	Nguyễn Thị Hiền	29/05/1994	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
94	1110512014	Nguyễn Thế Hiệp	31/10/1994	Hải Dương	6.9	Trung bình khá
95	1110512016	Lương Đức Hoàng	12/02/1992	Lạng Sơn	6	Trung bình khá
96	1110512017	Nguyễn Thị Huyền	10/04/1994	Thái Bình	5.9	Trung bình
97	1110512018	Phạm Thị Hương	18/02/1994	Hải Dương	6.4	Trung bình khá
98	1110512019	Đồng Thu Hường	02/04/1994	Hải Phòng	7.5	Khá
99	1110512021	Đàm Ngọc Linh	28/06/1993	Nam Định	6.6	Trung bình khá
100	1110512022	Vũ Ngọc Linh	26/09/1993	Hưng Yên	7	Khá
101	1110512023	Nguyễn Thị Hồng Loan	20/09/1994	Hưng Yên	6.8	Trung bình khá
102	1110512024	Nguyễn Văn Long	20/06/1994	Hải Dương	5.8	Trung bình
103	1110512025	Hoàng Thị Lôi	12/12/1993	Lạng Sơn	6.2	Trung bình khá
104	1110512027	Lã Đức Mạnh	14/10/1993	Quảng Ninh	6.5	Trung bình khá
105	1110512029	Đinh Thị Thanh Nhã	11/03/1994	Quảng Ninh	6.7	Trung bình khá
106	1110512030	Vũ Thị Bích Nhuận	11/11/1994	Thái Bình	7	Khá
107	1110512031	Đoàn Văn Nhuận	02/09/1994	Bắc Ninh	6.5	Trung bình khá
108	1110512032	Hoàng Khắc Ninh	19/09/1994	Quảng Ninh	6.9	Trung bình khá
109	1110512033	Nguyễn Thanh Tâm	28/12/1994	Hưng Yên	7.1	Khá
110	1110512034	Vương Thị Thanh	15/11/1994	Hải Dương	6.3	Trung bình khá
111	1110512036	Phạm Thị Thu	26/04/1994	Yên Bái	7.6	Khá
112	1110512037	Phạm Thị Hoài Thu	01/02/1994	Nam Định	7.4	Khá
113	1110512038	Vũ Thị Thuý	19/06/1994	Nam Định	6.8	Trung bình khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2012 - 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCHT	Xếp loại
114	1110512039	Nguyễn Văn Toàn	14/02/1994	Hải Dương	6.3	Trung bình khá
115	1110512040	Phạm Anh Tuấn	30/08/1992	Hải Dương	7.1	Khá
116	1110512041	Lương Sơn Tùng	16/10/1994	Hải Phòng	6.9	Trung bình khá
117	1110512043	Cung Thế Truyền	18/11/1994	TP Hà Nội	6.4	Trung bình khá
118	1110512044	Nguyễn Mai Xinh	06/07/1994	Hải Dương	6.6	Trung bình khá
119	1110512045	Nguyễn Thị Xinh	28/06/1994	Hải Phòng	7.4	Khá
120	1110512046	Nguyễn Ngọc Văn	30/11/1993	TP Hà Nội	7.1	Khá
121	1110512047	Đỗ Thị Hải Yến	02/05/1994	Sơn La	5.8	Trung bình
122	1110512048	Lý Thị Yến	26/02/1993	Bắc Giang	6	Trung bình khá
123	1110512049	Trịnh Ngọc Yến	09/03/1994	Hải Dương	6.4	Trung bình khá
Lớp: TC Hình ảnh 29						
124	111071028	Tạ Quang Hoà	02/05/1992	Thái Nguyên	5.8	Trung bình
125	111071062	Bùi Xuân Tiến	16/07/1993	Thái Bình	6.4	Trung bình khá
126	1110712001	Trần Tuấn Anh	12/01/1994	Bắc Giang	5.8	Trung bình
127	1110712002	Nguyễn Hoàng Bách	09/05/1994	Hải Dương	6.3	Trung bình khá
128	1110712004	Nguyễn Mạnh Cường	02/07/1994	Hải Dương	6.7	Trung bình khá
129	1110712008	Phạm Tiến Dũng	06/06/1994	Quảng Ninh	6	Trung bình khá
130	1110712012	Nguyễn Văn Đạt	05/10/1994	Bắc Giang	6.6	Trung bình khá
131	1110712015	Phạm Duy Đức	17/05/1994	Hải Dương	6.2	Trung bình khá
132	1110712016	Trần Xuân Hữu	28/08/1994	Nam Định	6.3	Trung bình khá
133	1110712017	Trần Văn Hải	27/10/1993	Bắc Ninh	6.4	Trung bình khá
134	1110712018	Nguyễn Quý Hiếu	04/08/1993	Điện Biên	7	Khá
135	1110712019	Lương Thế Hiệp	16/06/1994	Lạng Sơn	5.9	Trung bình
136	1110712021	Nguyễn Quang Huy	16/12/1992	Điện Biên	6.2	Trung bình khá
137	1110712022	Nguyễn Khánh Hưng	12/11/1994	Hải Dương	6	Trung bình khá
138	1110712026	Trần Minh Khánh	14/08/1994	TP Hà Nội	6.3	Trung bình khá
139	1110712027	Trương Văn Kỳ	03/10/1993	Bắc Ninh	6.4	Trung bình khá
140	1110712029	Dương Văn Long	18/11/1993	TP Hà Nội	5.8	Trung bình
141	1110712030	Nguyễn Tiến Mạnh	30/12/1988	TP Hà Nội	7.2	Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP
KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2012 - 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HS	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBCHT	Xếp loại
142	1110712032	Đỗ Như Nam	18/08/1994	Hải Dương	6.5	Trung bình khá
143	1110712033	Nguyễn Văn Nam	22/06/1994	Quảng Ninh	6.9	Trung bình khá
144	1110712035	Lường Đại Nghĩa	14/09/1994	Sơn La	5.8	Trung bình
145	1110712037	Lương Đức Nhân	08/10/1994	Vĩnh Phúc	6.3	Trung bình khá
146	1110712038	Nguyễn Đức Phong	22/04/1994	Hải Dương	6.2	Trung bình khá
147	1110712039	Hoàng Gia Quý	27/09/1994	Hải Dương	6.8	Trung bình khá
148	1110712041	Bùi Văn Thành	16/08/1994	Hưng Yên	5.9	Trung bình
149	1110712042	Hoàng Anh Thắng	28/07/1993	Vĩnh Phúc	6.3	Trung bình khá
150	1110712043	Nguyễn Văn Thi	26/09/1994	Hải Dương	6	Trung bình khá
151	1110712044	Nguyễn Duy Thiện	14/09/1994	Nghệ An	6.2	Trung bình khá
152	1110712046	Nguyễn Văn Tiến	14/03/1994	Hưng Yên	6.3	Trung bình khá
153	1110712049	Phan Văn Trường	27/10/1994	Thái Bình	7	Khá
154	1110712050	Trần Hữu Việt	16/10/1994	Thái Bình	5.9	Trung bình
155	1110712052	Chúc Mạnh Vũ	01/10/1991	Phú Thọ	6.9	Trung bình khá
156	1110712053	Vũ Quốc Việt	02/09/1994	Hải Dương	6.6	Trung bình khá

Hải Dương, ngày 08 tháng 10 năm 2014

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thị Minh Tâm



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Vũ Đình Chính

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

BẢNG ĐIỂM TỐT NGHIỆP
KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2012 - 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TT TN	TN Ctrị	TNCM		TBCKTK	Xếp loại TN
							TNT H	TN LT		
Lớp: TC Điều dưỡng 37A										
1	1110212001	Nguyễn Thị Vân Anh	10/11/1994	Hải Dương	9	5.5	7	8	6.8	TB - Khá
2	1110212004	Nguyễn Thị Thuỳ Dung	19/11/1994	Hải Dương	9	5.5	7	6.5	6.5	TB - Khá
3	1110212005	Lê Duy Đạt	24/03/1993	Hưng Yên	9	6	6.5	7	6.7	TB - Khá
4	1110212006	Nguyễn Thị Giang	02/02/1994	Hải Dương	9	5.5	7	7	6.6	TB - Khá
5	1110212007	Đào Thị Thu Hà	19/12/1994	Hưng Yên	9	5.5	6	7	6.3	TB - Khá
6	1110212008	Đặng Thị Hồng Hải	27/09/1993	Đắc Lắc	9	7	7	7.5	7.3	Khá
7	1110212009	Nguyễn Thị Hằng	14/11/1994	Hải Dương	10	4.5	7.5	7.5	6.8	TB - Khá
8	1110212010	Nguyễn Thị Hằng	24/02/1994	Hải Dương	9	6.5	5	7.5	6.8	TB - Khá
9	1110212011	Phạm Thị Hằng	28/08/1994	Hải Dương	9	6.5	7	8	7.2	Khá
10	1110212012	Nguyễn Văn Hậu	24/10/1993	Hưng Yên	8	4.5	6.5	6.5	6.1	TB - Khá
11	1110212016	Hoàng Thị Huyền	16/03/1994	Hải Dương	9	5.5	5.5	7.5	6.6	TB - Khá
12	1110212017	Phùng Mạnh Hùng	25/06/1994	Hải Dương	9	4.5	7.5	7	6.5	TB - Khá
13	1110212019	Nguyễn Thị Hương	25/12/1994	Hải Dương	9	7.5	7	8.5	7.5	Khá
14	1110212020	Nguyễn Thị Hường	22/10/1994	Thái Bình	8	4.5	6	6.5	6.1	TB - Khá
15	1110212022	Vũ Thị Liên	10/01/1993	Hải Dương	8	6.5	6.5	7	6.6	TB - Khá
16	1110212023	Mai Thị Phương Linh	02/04/1994	Hưng Yên	9	6.5	6	7.5	6.8	TB - Khá
17	1110212024	Nguyễn Thùy Linh	02/05/1994	Bắc Giang	7	7	8	7.5	7.2	Khá
18	1110212025	Trịnh Minh Long	17/06/1994	Hưng Yên	8	5	6	5.5	5.9	Trung bình
19	1110212026	Bùi Thị Mai	04/07/1994	Hải Dương	9	7	7	7.5	7	Khá
20	1110212027	Trần Tuấn Nam	15/11/1994	Hải Dương	8	5.5	6.5	6.5	6.3	TB - Khá
21	1110212028	Vũ Thị Nga	05/08/1994	Bắc Ninh	8	6	7	7.5	6.8	TB - Khá
22	1110212029	Đào Thị Ngọc	05/08/1994	Lào Cai	9	6	6.5	6	6.4	TB - Khá
23	1110212031	Nguyễn Thị Nhài	07/11/1994	Hải Dương	9	5.5	7.5	7.5	6.7	TB - Khá
24	1110212032	Hoàng Thị Nhã	28/05/1994	Hải Dương	9	5	8	7.5	6.7	TB - Khá
25	1110212033	Trần Thị Nhung	13/03/1994	Hải Dương	8	7.5	7.5	7	7.3	Khá
26	1110212035	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	31/01/1994	Quảng Ninh	9	5	7.5	6.5	6.5	TB - Khá
27	1110212036	Đinh Tiến Thành	12/10/1994	Hải Dương	8	5	6	6	6	TB - Khá
28	1110212037	Mai Phương Thảo	03/11/1994	Hải Dương	8	7	7	7.5	7.2	Khá
29	1110212038	Bùi Thị Thoa	01/09/1993	Hưng Yên	8	6	7.5	7.5	7.1	Khá
30	1110212039	Nguyễn Thị Thu	28/02/1993	Hải Dương	8	6.5	6.5	7.5	6.6	TB - Khá
31	1110212040	Nguyễn Thị Thủy	19/12/1994	Nghệ An	7	6.5	5.5	6.5	6.3	TB - Khá
32	1110212043	Phạm Thị Kim Tuyền	12/08/1994	Hưng Yên	8	4.5	7.5	6	6.2	TB - Khá
33	1110212044	Nguyễn Thị Tươi	29/10/1994	Hải Dương	8	6	7	7.5	6.8	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

BẢNG ĐIỂM TỐT NGHIỆP
KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2012 - 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TT TN	TN Ctrị	TNCM		TBCKT	Xếp loại TN
							TNT H	TN LT		
34	1110212045	Đỗ Thị Huyền Trang	12/06/1994	Bắc Giang	8	6	6.5	7	6.7	TB - Khá
35	1110212046	Trần Thị Thu Trang	19/03/1994	Hải Dương	10	6	7.5	6.5	6.7	TB - Khá
36	1110212047	Vũ Thị Thu Trang	04/01/1994	Hưng Yên	9	5.5	7.5	7.5	6.7	TB - Khá
37	1110212048	Phạm Văn Trường	25/09/1994	Hải Dương	9	6.5	7	7	6.8	TB - Khá
38	1110212050	Đào Quang Vũ	11/12/1994	Hưng Yên	8	6.5	6.5	6	6.5	TB - Khá
39	1110212051	Đỗ Thị Yến	08/05/1994	Thanh Hóa	8	7	7.5	8	7.4	Khá
40	1110212052	Nguyễn Thị Yến	21/10/1994	Hải Dương	9	6	7	8	7	Khá
41	1110212054	Mạc Thị Hương	03/05/1994	Hải Dương	8	6	7.5	7	6.8	TB - Khá
42	1110212108	Bùi Thị Hồng	31/08/1994	Yên Bái	8	6.5	7	8.5	7.4	Khá
Lớp: TC Điều dưỡng 37B										
43	1110212056	Nguyễn Thị Bình	18/03/1994	Thái Bình	8	6	6.5	7.5	6.7	TB - Khá
44	1110212057	Nguyễn Thị Dung	12/07/1994	Hải Dương	8	4.5	7	6.5	6.2	TB - Khá
45	1110212059	Bùi Thị Giang	27/02/1993	Hải Dương	7	5.5	7	7	6.4	TB - Khá
46	1110212060	Nguyễn Văn Hai	22/06/1993	Hải Dương	10	5	7	6.5	6.4	TB - Khá
47	1110212061	Phạm Thị Hà	05/01/1994	Hải Dương	9	5	6.5	7.5	6.4	TB - Khá
48	1110212062	Lê Thị Hạnh	02/09/1994	Hải Dương	9	7.5	6.5	7	7.1	Khá
49	1110212063	Nguyễn Thị Hằng	17/09/1994	Hải Dương	9	6	7	7.5	6.9	TB - Khá
50	1110212065	Vũ Thị Hằng	13/11/1994	Hải Dương	8	4.5	7	7.5	6.5	TB - Khá
51	1110212066	Đỗ Văn Hiếu	03/10/1992	Hải Dương	9	5.5	5.5	7	6.3	TB - Khá
52	1110212067	Bùi Thị Minh Hoàng	06/08/1994	Hải Dương	9	5.5	7.5	6.5	6.6	TB - Khá
53	1110212068	Phạm Thị Hồng	15/08/1994	Hải Dương	9	6	7.5	7.5	6.8	TB - Khá
54	1110212069	Nguyễn Thị Huệ	20/11/1994	Hải Dương	8	7	6.5	7	6.8	TB - Khá
55	1110212070	Vũ Thị Huyền	09/07/1994	Bắc Ninh	8	6	7.5	7.5	7.1	Khá
56	1110212073	Nguyễn Thu Hương	26/06/1993	Hải Dương	10	6	7	7.5	6.9	TB - Khá
57	1110212074	Nguyễn Thanh Lan	28/06/1994	Quảng Ninh	9	5.5	7	7.5	6.6	TB - Khá
58	1110212075	Vũ Thị Lân	15/02/1994	Hải Dương	9	5	8.5	6.5	6.6	TB - Khá
59	1110212076	Đinh Thị Linh	14/01/1994	Hải Phòng	9	5.5	7.5	7	6.7	TB - Khá
60	1110212078	Vũ Thị Loan	04/02/1994	Hải Dương	9	4.5	8	6.5	6.4	TB - Khá
61	1110212080	Phạm Thị Na	30/12/1994	Hải Dương	8	4.5	6	7.5	6.2	TB - Khá
62	1110212081	Hoàng Thị Nết	10/10/1994	Bắc Giang	9	5.5	7.5	7.5	6.8	TB - Khá
63	1110212082	Hà Thủy Ngân	15/06/1993	Phú Thọ	8	6	7	7	6.7	TB - Khá
64	1110212083	Đinh Thị Hồng Ngọc	05/10/1993	Hải Dương	9	7	7.5	7	7.1	Khá
65	1110212084	Hà Thị Nhài	24/09/1994	Hải Dương	8	6.5	6.5	7.5	6.7	TB - Khá
66	1110212085	Nguyễn Thị Nhân	23/08/1994	Bắc Ninh	9	5	7	7	6.5	TB - Khá

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

BẢNG ĐIỂM TỐT NGHIỆP
KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2012 - 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TT TN	TN Ctrị	TNCM		TBCKT	Xếp loại TN
							TNT H	TN LT		
67	1110212086	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	22/05/1994	Hưng Yên	8	5	7.5	7	6.5	TB - Khá
68	1110212087	Trịnh Thị Ninh	11/05/1994	Bắc Ninh	9	6.5	7	7.5	7	Khá
69	1110212088	Phạm Đức Phụng	06/09/1994	Hải Dương	8	7.5	6	7.5	6.9	TB - Khá
70	1110212089	Nguyễn Thị Tâm	12/07/1994	Hưng Yên	9	5.5	7	7	6.6	TB - Khá
71	1110212090	Đoàn Thanh Thảo	02/09/1994	Lạng Sơn	8	6	6.5	7.5	6.8	TB - Khá
72	1110212091	Đặng Thị Thắm	13/12/1994	Hải Dương	8	6	6.5	7	6.7	TB - Khá
73	1110212093	Nguyễn Thị Thuý	14/03/1994	Hải Dương	8	6	7	8	6.9	TB - Khá
74	1110212094	Bùi Thị Thư	26/08/1994	Hải Dương	9	5.5	7	7.5	6.7	TB - Khá
75	1110212095	Phạm Thị Tình	06/04/1994	Hải Dương	9	6.5	6.5	7.5	6.9	TB - Khá
76	1110212096	Cao Thị Tuyết	04/07/1994	Hải Dương	8	5	7	6.5	6.4	TB - Khá
77	1110212097	Trần Tiến Tú	08/11/1994	Hải Dương	9	5.5	6.5	7.5	6.4	TB - Khá
78	1110212098	Bùi Thị Trang	09/02/1994	Hải Dương	8	5.5	7	6.5	6.6	TB - Khá
79	1110212100	Vũ Thị Huyền Trang	14/08/1994	Hải Dương	8	6	7.5	7.5	6.8	TB - Khá
80	1110212102	Phạm Thị Hồng Vân	07/10/1994	Hải Dương	9	4.5	7	8	6.7	TB - Khá
81	1110212104	Đặng Thị Yên	09/02/1994	Hải Dương	8	6.5	7	7.5	6.8	TB - Khá
82	1110212105	Nguyễn Thị Hoàng Yến	25/01/1994	Bắc Ninh	9	5.5	6	8	6.6	TB - Khá
83	1110212106	Nguyễn Thu Yến	20/08/1994	Bắc Ninh	9	4.5	6	7.5	6.4	TB - Khá

Lớp: TC Xét nghiệm 35

84	1110512003	Nguyễn Thị Lan Anh	12/06/1994	Thái Bình	8	7	6.5	7.5	7.2	Khá
85	1110512004	Bùi Thị Bích	27/09/1993	Hòa Bình	8	5	7.5	5.5	6.3	TB - Khá
86	1110512005	Tăng Đức Bình	04/07/1994	Hải Dương	8	5	5.5	5.5	6	TB - Khá
87	1110512006	Trịnh Thị Chinh	25/01/1994	Bắc Ninh	8	5.5	6	6	6.3	TB - Khá
88	1110512007	Bùi Văn Cử	11/09/1992	Quảng Ninh	8	5	5.5	5.5	5.9	Trung bình
89	1110512008	Nguyễn Thị Dương	26/08/1993	TP Hà Nội	8	6.5	6.5	7.5	7	Khá
90	1110512009	Đỗ Thị Thuý Hằng	14/10/1994	Hải Dương	8	6.5	8	7	7.3	Khá
91	1110512010	Đỗ Thị Thuý Hằng	06/03/1994	Hải Dương	9	5.5	8.5	6.5	7	Khá
92	1110512012	Ngô Thị Hiền	19/09/1994	Hưng Yên	8	5	6	7	6.6	TB - Khá
93	1110512013	Nguyễn Thị Hiền	29/05/1994	Hải Dương	8	5	6.5	7	6.7	TB - Khá
94	1110512014	Nguyễn Thế Hiệp	31/10/1994	Hải Dương	8	6.5	8	7	6.9	TB - Khá
95	1110512016	Lương Đức Hoàng	12/02/1992	Lạng Sơn	8	6	6.5	4.5	6	TB - Khá
96	1110512017	Nguyễn Thị Huyền	10/04/1994	Thái Bình	8	5	5.5	6	5.9	Trung bình
97	1110512018	Phạm Thị Hương	18/02/1994	Hải Dương	8	5	7.5	6.5	6.4	TB - Khá
98	1110512019	Đồng Thu Hường	02/04/1994	Hải Phòng	8	7.5	7.5	7.5	7.5	Khá
99	1110512021	Đàm Ngọc Linh	28/06/1993	Nam Định	8	6.5	5.5	6.5	6.6	TB - Khá

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TT TN	TN Ctri	TNCM		TBCKTK	Xếp loại TN
							TNT H	TN LT		
100	1110512022	Vũ Ngọc Linh	26/09/1993	Hung Yên	8	7	8.5	6.5	7	Khá
101	1110512023	Nguyễn Thị Hồng Loan	20/09/1994	Hung Yên	9	6.5	6.5	7	6.8	TB - Khá
102	1110512024	Nguyễn Văn Long	20/06/1994	Hải Dương	8	5	6	5.5	5.8	Trung bình
103	1110512025	Hoàng Thị Lôi	12/12/1993	Lạng Sơn	8	5.5	6	6	6.2	TB - Khá
104	1110512027	Lã Đức Mạnh	14/10/1993	Quảng Ninh	8	6.5	6.5	6	6.5	TB - Khá
105	1110512029	Đinh Thị Thanh Nhã	11/03/1994	Quảng Ninh	9	6	7	5.5	6.7	TB - Khá
106	1110512030	Vũ Thị Bích Nhuận	11/11/1994	Thái Bình	8	5.5	8	7.5	7	Khá
107	1110512031	Đoàn Văn Nhuận	02/09/1994	Bắc Ninh	8	5.5	6.5	7	6.5	TB - Khá
108	1110512032	Hoàng Khắc Ninh	19/09/1994	Quảng Ninh	8	7.5	6.5	7	6.9	TB - Khá
109	1110512033	Nguyễn Thanh Tâm	28/12/1994	Hung Yên	8	6.5	8	6.5	7.1	Khá
110	1110512034	Vương Thị Thanh	15/11/1994	Hải Dương	8	5.5	5.5	7	6.3	TB - Khá
111	1110512036	Phạm Thị Thu	26/04/1994	Yên Bái	9	7.5	7	7	7.6	Khá
112	1110512037	Phạm Thị Hoài Thu	01/02/1994	Nam Định	8	6.5	7.5	7.5	7.4	Khá
113	1110512038	Vũ Thị Thuỷ	19/06/1994	Nam Định	9	6	7.5	6	6.8	TB - Khá
114	1110512039	Nguyễn Văn Toàn	14/02/1994	Hải Dương	9	5	7	5.5	6.3	TB - Khá
115	1110512040	Phạm Anh Tuấn	30/08/1992	Hải Dương	8	6.5	7.5	7	7.1	Khá
116	1110512041	Lương Sơn Tùng	16/10/1994	Hải Phòng	8	6	8	7	6.9	TB - Khá
117	1110512043	Cung Thế Truyền	18/11/1994	TP Hà Nội	8	5.5	7	6	6.4	TB - Khá
118	1110512044	Nguyễn Mai Xinh	06/07/1994	Hải Dương	8	6.5	6	6.5	6.6	TB - Khá
119	1110512045	Nguyễn Thị Xinh	28/06/1994	Hải Phòng	8	6.5	8.5	7.5	7.4	Khá
120	1110512046	Nguyễn Ngọc Văn	30/11/1993	TP Hà Nội	8	6.5	6.5	7.5	7.1	Khá
121	1110512047	Đỗ Thị Hải Yến	02/05/1994	Sơn La	8	4.5	6	5.5	5.8	Trung bình
122	1110512048	Lý Thị Yến	26/02/1993	Bắc Giang	9	5	6	4.5	6	TB - Khá
123	1110512049	Trịnh Ngọc Yến	09/03/1994	Hải Dương	8	4.5	7	7	6.4	TB - Khá

Lớp: TC Hình ảnh 29

124	111071028	Tạ Quang Hoà	02/05/1992	Thái Nguyên	9	4.5	5	6.5	5.8	Trung bình
125	111071062	Bùi Xuân Tiến	16/07/1993	Thái Bình	8	5.5	7	6	6.4	TB - Khá
126	1110712001	Trần Tuấn Anh	12/01/1994	Bắc Giang	7	5.5	6	5	5.8	Trung bình
127	1110712002	Nguyễn Hoàng Bách	09/05/1994	Hải Dương	9	5	6	6.5	6.3	TB - Khá
128	1110712004	Nguyễn Mạnh Cường	02/07/1994	Hải Dương	9	7	7	6	6.7	TB - Khá
129	1110712008	Phạm Tiến Dũng	06/06/1994	Quảng Ninh	8	6	6	6	6	TB - Khá
130	1110712012	Nguyễn Văn Đạt	05/10/1994	Bắc Giang	9	6	7	6	6.6	TB - Khá
131	1110712015	Phạm Duy Đức	17/05/1994	Hải Dương	9	6	6	6	6.2	TB - Khá
132	1110712016	Trần Xuân Hữu	28/08/1994	Nam Định	7	6.5	7	5.5	6.3	TB - Khá

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Mã HV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TT TN	TN Ctrị	TNCM		TBCKT	Xếp loại TN
							TNT H	TN LT		
133	1110712017	Trần Văn Hải	27/10/1993	Bắc Ninh	9	5	6	7	6.4	TB - Khá
134	1110712018	Nguyễn Quý Hiếu	04/08/1993	Điện Biên	8	6.5	7	6.5	7	Khá
135	1110712019	Lương Thế Hiệp	16/06/1994	Lạng Sơn	8	4.5	6	6	5.9	Trung bình
136	1110712021	Nguyễn Quang Huy	16/12/1992	Điện Biên	8	5	7	6	6.2	TB - Khá
137	1110712022	Nguyễn Khánh Hưng	12/11/1994	Hải Dương	7	5	6	5.5	6	TB - Khá
138	1110712026	Trần Minh Khánh	14/08/1994	TP Hà Nội	8	5	8	5	6.3	TB - Khá
139	1110712027	Trương Văn Kỳ	03/10/1993	Bắc Ninh	8	5.5	6	7	6.4	TB - Khá
140	1110712029	Dương Văn Long	18/11/1993	TP Hà Nội	7	4.5	7	5	5.8	Trung bình
141	1110712030	Nguyễn Tiến Mạnh	30/12/1988	TP Hà Nội	9	5.5	8	7.5	7.2	Khá
142	1110712032	Đỗ Như Nam	18/08/1994	Hải Dương	8	6	7	6	6.5	TB - Khá
143	1110712033	Nguyễn Văn Nam	22/06/1994	Quảng Ninh	8	7.5	6	7	6.9	TB - Khá
144	1110712035	Lương Đại Nghĩa	14/09/1994	Sơn La	8	4.5	6	5	5.8	Trung bình
145	1110712037	Lương Đức Nhân	08/10/1994	Vĩnh Phúc	8	5.5	6	6.5	6.3	TB - Khá
146	1110712038	Nguyễn Đức Phong	22/04/1994	Hải Dương	9	5.5	6	6	6.2	TB - Khá
147	1110712039	Hoàng Gia Quý	27/09/1994	Hải Dương	9	6	7	6.5	6.8	TB - Khá
148	1110712041	Bùi Văn Thành	16/08/1994	Hưng Yên	9	4.5	5	6.5	5.9	Trung bình
149	1110712042	Hoàng Anh Thắng	28/07/1993	Vĩnh Phúc	9	5.5	6	6	6.3	TB - Khá
150	1110712043	Nguyễn Văn Thi	26/09/1994	Hải Dương	7	6	6	5	6	TB - Khá
151	1110712044	Nguyễn Duy Thiện	14/09/1994	Nghệ An	8	5	6	6.5	6.2	TB - Khá
152	1110712046	Nguyễn Văn Tiến	14/03/1994	Hưng Yên	8	5	7	6	6.3	TB - Khá
153	1110712049	Phan Văn Trường	27/10/1994	Thái Bình	8	7	7	6.5	7	Khá
154	1110712050	Trần Hữu Việt	16/10/1994	Thái Bình	7	5.5	6.5	5.5	5.9	Trung bình
155	1110712052	Chúc Mạnh Vũ	01/10/1991	Phú Thọ	9	6	7	6.5	6.9	TB - Khá
156	1110712053	Vũ Quốc Việt	02/09/1994	Hải Dương	9	6.5	7	5.5	6.6	TB - Khá

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Trần Thị Minh Tâm

Hải Dương, ngày 08 tháng 10 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Vũ Đình Chính

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

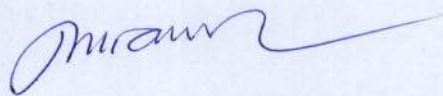
BẢNG ĐIỂM TỐT NGHIỆP
KHỐI TRUNG CẤP CHÍNH QUY
KHÓA HỌC 2011 - 2013

(Ban hành kèm theo Quyết định số 393/QĐTN-ĐHKTYTHD ngày 08 tháng 10 năm 2014)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Nơi sinh	TT TN	TN Ctrị		TN TH	TNLT		TBC TK	Xếp loại TN
						L1	L2		L1	L2		
1	Bùi Ngọc Anh	10/11/1993	TC HA 28	Hòa Bình	8	5		5	5		5.8	Trung bình
2	Phạm Tuấn Anh	07/10/1993	TC HA 28	Hà Nam	9	6		6	4.5		5.9	Trung bình
3	Nguyễn Ngọc Sơn	12/07/1993	TC HA 28	Hải Dương	9	3.5	5.5	6	5.5		6	Trung bình
4	Chu Công Sơn Dương	08/01/1993	TC HA 28	Thái Bình	8	3	5	6	5		5.8	Trung bình
5	Nguyễn Tiến Duy	08/11/1993	TC HA 28	Bắc Giang	7	4.5		6	5.5		5.9	Trung bình
6	Nguyễn Đăng Phong	20/01/1993	TC HA 28	TP Hà Nội	7	4.5	5	6	5.5		5.9	Trung bình
7	Nguyễn Đình Quyết	04/07/1992	TC HA 28	Hải Dương	9	5		6	5.5		6	TB - Khá
8	Phạm Ngọc Hiệp	21/08/1993	TC HA 28	Hải Dương	6	4.5		7	5		5.8	Trung bình
9	Nông Đức Hoạt	19/08/1991	TC HA 28	Cao Bằng	8	2.5	4.5	7	5		5.9	Trung bình
10	Nguyễn Thị Loan	10/02/1993	TC ĐD36A	Hải Dương	9	3.5	6	7	6.5		6.6	Trung bình
11	Ngô Thị Ánh Hồng	25/08/1993	TC ĐD36D	Bắc Giang	9	3	5.5	6	5		6.6	Trung bình
12	Lê Thị Duyên	16/09/1993	TC XN 34	Hung Yên	9	3	6	6.5	6		6.4	Trung bình
13	Vũ Đình Phong	18/06/1993	TC XN 34	Hải Dương	8	3.5	5	6	5		5.9	Trung bình
14	Nguyễn Thị Cẩm Vân	10/04/1993	TC XN 34	Phú Thọ	9	2	5.5	6.5	6		6.3	Trung bình
15	Hà Việt Anh	01/05/1993	TC XN 34	Sơn La	9	5.5		6	3	4.5	5.8	Trung bình
16	Thào Thị Dĩnh	06/10/1993	TC XN 34	Sơn La	10	5		6.5	4	5	5.9	Trung bình

Hải Dương, ngày 08 tháng 10 năm 2014

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Trần Thị Minh Tâm

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Vũ Đình Chính